

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 861/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14-11-2022
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tạ Công Minh

2/ Ông Nguyễn Minh Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mai Chi - *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 11 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 697/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kim P**, sinh năm 1994,

Hộ khẩu thường trú: ấp K2A, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh **Lê Văn Q**, sinh năm 1988,

Địa chỉ: ấp K2A, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị P; anh Q có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09-8-2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lê Thị Kim P trình bày:*

Chị Lê Thị Kim P và anh Lê Văn Q tự nguyện chung sống vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Từ khi kết hôn, chị P và anh Q chung sống hạnh phúc cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, nguyên nhân chủ yếu là do chị và anh Q không thống nhất về chỗ ở, giữa chị và mẹ chồng cũng phát sinh mâu thuẫn nhưng anh Q không xử lý được. Mặc dù, chị P và anh Q đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Từ giữa năm 2021 cho đến nay, chị P đã về nhà riêng ở cắt đứt quan hệ vợ chồng với anh Q. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị P và anh Q có 02 con chung tên Lê Quốc T, sinh ngày 28/5/2013 và Lê Quốc B, sinh ngày 03/7/2017. Từ khi ly thân, con chung do chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cuộc sống ổn định, đảm bảo về mặt vật chất, tinh thần. Khi ly hôn, chị P yêu cầu tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung, chị P không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai ngày 19-10-2022 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Văn Q trình bày:*

Anh Q thống nhất lời trình bày của chị P về thời gian cưới, có đăng ký kết hôn. Anh Q không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P. Về con chung, anh Q đồng ý để chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung Lê Quốc T và Lê Quốc B. Về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn Lê Thị Kim P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn Lê Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ quy định Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kim P: Cho chị Lê Thị Kim P và anh Lê Văn Q ly hôn; Về nuôi con chung nhằm đảm ổn định cuộc sống cho cháu Lê Quốc T, sinh ngày 28/5/2013 và Lê Quốc B, sinh ngày 03/7/2017, đề nghị giao con chung cho chị Lê Thị Kim P tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không xem xét do các bên không tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Lê Thị Kim P yêu cầu ly hôn với bị đơn Lê Văn Q có nơi cư trú tại ấp K2A, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang theo qui định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim P và anh Lê Văn Q xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2014 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời khai của chị Lê Thị Kim P về nguyên nhân mâu thuẫn, điều kiện nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung. Tòa án đã thông báo cho anh Lê Văn Q được biết nhưng anh Q không có ý kiến phản đối. Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết nêu trên là sự thật.

Xét yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh Q, Hội đồng xét xử thấy rằng mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống chị P và anh Q lại phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được, khiến cho mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị cũng đã ly thân một khoảng thời gian dài. Mặc dù, anh Q không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian qua anh Q và chị P mỗi người sống ở một nơi và không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau. Quá trình Tòa án làm việc thì chị P xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh

Q không còn, không thể sống chung được nữa nên chị P vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh Q. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn trong hôn nhân của anh chị đã rất trầm trọng, cuộc sống chung của anh chị là không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh Q.

[3] Về con chung: Cháu Lê Quốc T và Lê Quốc B chưa đủ 18 tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha hoặc mẹ. Giữa chị P và anh Q đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của con chung, nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giao con chung tên Lê Quốc T, sinh ngày 28/5/2013 và Lê Quốc B, sinh ngày 03/7/2017 cho chị P được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Q có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P chưa yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí thì chị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- *Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*
- *Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;*
- *Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;*

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kim P.

1/ Về hôn nhân: Nguyên đơn Lê Thị Kim P được ly hôn với bị đơn Lê Văn Q.

2/ Về con chung: Giao cháu Lê Quốc T, sinh ngày 28/5/2013 và Lê Quốc B, sinh ngày 03/7/2017 cho chị Lê Thị Kim P được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn Q chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị P chưa yêu cầu.

Anh Lê Văn Q có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/ Về án phí: Nguyên đơn Lê Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị đã tạm nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020958 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, do đó xem như đã nộp xong án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành, TG;
- UBND xã Long Định, CT, TG;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Bùi Thị Cẩm Loan